

**ĐẠI HỌC HUẾ  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT**



**NGUYỄN THỊ THU THỦY**

**PHÁP LUẬT VỀ TRỢ CẤP VÀ CÁC BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG  
TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ**

**Chuyên ngành: Luật kinh tế**

**Mã số: 838 0107**

**TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC**

**THỪA THIÊN HUẾ - năm 2022**

Công trình được hoàn thành tại:  
Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **TS. Nguyễn Thị Hồng Trinh**

Phản biện 1: .....

Phản biện 2: .....

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn  
thạc sĩ họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng ..... năm.....

**Trường Đại học Luật, Đại học Huế**

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài luận văn.....	1
2. Tình hình nghiên cứu đề tài.....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu.....	3
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	3
5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu.....	3
6. Những đóng góp của luận văn .....	4
7. Bố cục của đề tài .....	4
<b>Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ CẤP VÀ CÁC BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ .....</b>	<b>5</b>
<b>1.1. Khái quát về trợ cấp trong thương mại quốc tế.....</b>	<b>5</b>
1.1.1. Khái niệm về trợ cấp trong thương mại quốc tế .....	5
1.1.2. Phân loại trợ cấp trong thương mại quốc tế .....	5
1.1.3. Tác động của trợ cấp trong thương mại quốc tế .....	5
<b>1.2. Khái quát về các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế .....</b>	<b>6</b>
1.2.1. Khái niệm về các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế.....	6
1.2.2. Các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế .....	6
1.2.3. Tác động của các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế.....	7
<b>1.3. Khái quát pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế .....</b>	<b>7</b>
1.3.1. Khái niệm pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế .....	7
1.3.2. Nội dung Hiệp định về trợ cấp và biện pháp đối kháng của WTO.....	7
1.3.3. Đối xử đặc biệt và khác biệt dành cho các Thành viên .....	8
<b>1.4. Pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng của một số nước .....</b>	<b>8</b>
1.4.1. Khái niệm trợ cấp của một số nước .....	9
1.4.2. Xác định thiệt hại của trợ cấp ở một số nước .....	9
1.4.3. Thủ tục chống trợ cấp một số nước.....	10
Tiểu kết Chương 1 .....	10
<b>Chương 2. THỰC TRẠNG VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ CẤP VÀ CÁC BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ.....</b>	<b>11</b>
<b>2.1. Thực trạng pháp luật quốc tế về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế.....</b>	<b>11</b>
2.1.1. Quy định về xác định loại trợ cấp và thiệt hại do trợ cấp gây ra .....	11
2.1.2. Quy định về áp dụng các biện pháp đối kháng .....	11
2.1.3. Quy định về cơ quan có thẩm quyền điều tra và áp dụng biện pháp đối kháng .....	13
2.1.4. Quy định về các chế tài về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế .....	15
2.1.5. Cơ chế giải quyết tranh chấp về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế.....	15

<b>2.2. Thực trạng pháp luật Việt Nam về trợ cấp và các biện pháp đối kháng .....</b>	<b>16</b>
2.2.1. Cam kết của Việt Nam về trợ cấp .....	16
2.2.2. Trình tự, thủ tục điều tra chống trợ cấp.....	18
2.2.3. Đánh giá sự tương thích của pháp luật Việt Nam với quy định của WTO về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế .....	18
<b>2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế .....</b>	<b>18</b>
2.3.1. Thực tiễn thực hiện pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng tại WTO .....	18
2.3.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng tại Việt Nam .....	19
<b>2.4. Kinh nghiệm cho Việt Nam .....</b>	<b>19</b>
2.4.1. Tuân thủ quy định về trợ cấp xuất khẩu và trợ cấp nội địa hoá .....	20
2.4.2. Áp dụng và duy trì hỗ trợ trong nước cho nông nghiệp.....	20
2.4.3. Áp dụng các biện pháp đóng góp tài chính phù hợp.....	20
2.4.4. Áp dụng trợ cấp có mục tiêu .....	20
2.4.5. Đáp ứng nguyên tắc minh bạch.....	21
2.4.6. Xây dựng pháp luật chống trợ cấp hiệu quả.....	21
Tiểu kết Chương 2 .....	21
<b>Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ CẤP VÀ CÁC BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG Ở VIỆT NAM .....</b>	<b>22</b>
<b>3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế ở Việt Nam.....</b>	<b>22</b>
<b>3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế .....</b>	<b>22</b>
3.2.1. Hoàn thiện quy định cơ cấu tổ chức của cơ quan thực thi các biện pháp tự vệ thương mại trong thương mại quốc tế .....	22
3.2.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật phụ trợ .....	22
3.2.3. Hoàn thiện pháp luật trực tiếp điều chỉnh chống trợ cấp .....	23
<b>3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế.....</b>	<b>23</b>
3.3.1. Nâng cao năng lực bộ máy nhà nước .....	23
3.3.2. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, Hiệp hội ngành hàng và các doanh nghiệp.....	23
3.3.3. Thiết lập hệ thống thông tin, kiến thức về trợ cấp, thông tin thị trường và pháp luật của nước nhập khẩu .....	23
Tiểu kết Chương 3 .....	24
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>25</b>
<b>TÀI LIỆU THAM KHẢO .....</b>	<b>26</b>

## **PHẦN MỞ ĐẦU**

### **1. Tính cấp thiết của đề tài luận văn**

Việt Nam đang dần tiến những bước chân vững chắc hội nhập vào nền kinh tế thế giới với mong muốn trở thành quốc gia có nền kinh tế phát triển trong khu vực và trên thế giới. Trong quá trình hội nhập đó, Việt Nam đã và đang là miền đất đầy hứa hẹn cho các nhà đầu tư nước ngoài, đồng thời thị trường nước ngoài cũng sẽ là nơi mà nhiều doanh nghiệp Việt Nam hướng tới. Trong xu thế hội nhập vô cùng năng động và sôi động đó, quan hệ mua bán hàng hóa quốc tế ngày càng được mở rộng, các quốc gia đang phát triển việc đưa đất nước hội nhập và mở rộng cơ chế thị trường nên vấn đề tranh chấp trong hoạt động mua bán hàng hóa sẽ ngày càng đa dạng và phức tạp hơn dẫn tới việc xảy ra tranh chấp là điều không thể tránh khỏi và cũng không dễ giải quyết được một cách nhanh chóng và chính xác.

Trong xu hướng thương mại tự do, thành viên WTO phải giảm dần và tiến tới xoá bỏ các biện pháp can thiệp của Chính phủ theo hướng hạn chế thương mại và công bằng. Theo đó, trợ cấp từ Chính phủ cho sản xuất trong nước phải được cắt giảm và tiến tới xoá bỏ. Tư tưởng này được thể hiện thống nhất trong nhiều Hiệp định của WTO và có giá trị bắt buộc với tất cả các thành viên của tổ chức. Tuy nhiên, đối với các thành viên đang phát triển, thương mại tự do có thể mang lại nhiều thách thức và khó khăn to lớn có thể gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho ngành sản xuất trong nước, nền kinh tế của quốc gia. Loại bỏ hoàn toàn trợ cấp, sản phẩm, doanh nghiệp của các nước đang phát triển sẽ rất khó khăn trong việc cạnh tranh với sản phẩm, doanh nghiệp của các nước phát triển. Chính các thành viên WTO cũng thừa nhận đối với các nước đang có một nền kinh tế chỉ đủ khả năng đảm bảo một mức sống thấp và đang trong giai đoạn đầu của quá trình phát triển có thể cần có các biện pháp bảo hộ hay các biện pháp tác động đến nhập khẩu và chừng nào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế nhờ đó có thêm thuận lợi thì việc áp dụng các biện pháp như vậy còn là đúng đắn. Và trợ cấp cũng được các thành viên WTO thừa nhận đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của các nước đang phát triển.

Gia nhập WTO vào ngày 11/1/2007, Việt Nam chính thức trở thành thành viên thứ 150 và có đầy đủ quyền và nghĩa vụ của một thành viên đang phát triển. Việt Nam có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của WTO về cắt giảm trợ cấp và cũng có quyền hưởng quy chế đối xử đặc biệt và khác biệt trong các quy định về trợ cấp dành cho các nước đang phát triển. Vì vậy, nghiên cứu pháp luật WTO về trợ cấp một cách toàn diện để thực hiện đúng các nghĩa vụ cũng như tận dụng tất cả các quyền lợi từ tổ chức thương mại tự do đồng thành viên nhất nhằm xây dựng chính sách pháp luật trợ cấp quốc gia hiệu quả, tạo động lực cho phát triển kinh tế là nhu cầu tất yếu của tất cả các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng. Khi hội nhập kinh tế quốc tế, các biện pháp phòng vệ thương mại được Việt Nam quy định và hoàn thiện nhằm bảo vệ nền sản xuất trong nước, tăng cường khả năng cạnh tranh của doanh nghiệp Việt Nam. Bên cạnh những tác động tích cực, các biện pháp phòng vệ thương mại cũng ảnh hưởng tiêu cực đến sản

xuất trong nước và Việt Nam cần đẩy mạnh các giải pháp thực hiện có hiệu quả các biện pháp phòng vệ thương mại, nhất là nâng cao nhận thức về phòng vệ thương mại và cơ chế thực thi các biện pháp phòng vệ thương mại. Đặc biệt là biện pháp trợ cấp và đối kháng trong thương mại quốc tế.

Trên cơ sở lý luận, thực hiện các chủ trương của Đảng đề ra và xuất phát từ nhu cầu thực tiễn về trợ cấp của ngành sản xuất trong nước cũng như thực trạng chính sách pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng của Việt Nam cho thấy việc nghiên cứu pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế có tính cấp thiết cao cả về lý luận và thực tiễn. Chính vì những lý do trên, tôi đã chọn đề tài **“Pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế”** làm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Luật kinh tế.

## **2. Tình hình nghiên cứu đề tài**

Trước và sau khi gia nhập WTO, ở Việt Nam đã có nhiều nghiên cứu liên quan đến pháp luật của WTO về trợ cấp và những bài học rút ra cho Việt Nam ở nhiều mức độ khác nhau.

Nguyễn Quỳnh Trang (2018), *“Pháp luật về trợ cấp đối với các nước đang phát triển theo quy định của WTO – bài học với Việt Nam”*, Luận án tiến sĩ luật kinh tế, Đại học Luật Hà Nội. Luận án nghiên cứu các quy định của WTO về trợ cấp đã hình thành từ GATT 1947 và phát triển qua nhiều vòng đàm phán khác nhau. Trong quá trình phát triển, quan điểm về trợ cấp của WTO có sự thay đổi nhất định với xu hướng đưa các thoả thuận về trợ cấp vào khuôn khổ hơn, kiểm soát việc áp dụng trợ cấp của các thành viên nhiều hơn. Nhưng chính các thành viên WTO đã thừa nhận trong các Hiệp định liên quan rằng bảo hộ mậu dịch trong giai đầu và trợ cấp có thể đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển của các nước đang phát triển. Bởi áp dụng và duy trì trợ cấp ở các nước đang phát triển là hướng tới việc nâng cao năng lực cạnh tranh của sản phẩm, của doanh nghiệp và của quốc gia tại các nước đang phát triển. Do vậy, trợ cấp không phải là biện pháp phải loại bỏ hoàn toàn theo quy định của WTO. Các nước đang phát triển được hưởng quy chế đối xử đặc biệt và khác biệt trong việc áp dụng và duy trì trợ cấp đối với ngành sản xuất trong nước trong thời gian đầu thực hiện thương mại tự do.

Nguyễn Thị Thu Huyền (2014), *“Pháp luật về chống trợ cấp đối với hàng hóa nhập khẩu vào Việt Nam”*, Luận văn thạc sĩ luật kinh tế, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. Luận văn làm sáng tỏ một số vấn đề lý luận cơ bản pháp luật về chống trợ cấp. Phân tích đánh giá những nội dung cơ bản của pháp luật về chống trợ cấp trong hoạt động thương mại ở Việt Nam, đồng thời nghiên cứu quan điểm và cách tiếp cận của WTO, một số nước thành viên WTO về vấn đề trợ cấp, so sánh với pháp luật Việt Nam về vấn đề này. Trên cơ sở đánh giá tình hình thực tế và thực trạng pháp luật Việt Nam về chống trợ cấp trong hoạt động thương mại, từ đó đưa ra một số giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về chống trợ cấp trong hoạt động thương mại ở Việt Nam trong xu hướng toàn cầu hóa và nhất là khi Việt Nam tham gia sâu hơn vào thương mại quốc tế.

Phạm Thị Hà My (2013), *“Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng của WTO – pháp luật của một số nước và thực tiễn ở Việt Nam”*, Luận văn thạc

sĩ luật học, Đại học Luật Hà Nội. Luận văn nghiên cứu và làm rõ các quy định của WTO về trợ cấp và các biện pháp đối kháng. Tìm hiểu pháp luật của một số nước về trợ cấp và các biện pháp đối kháng. Liên hệ với pháp luật Việt Nam. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn, đưa ra một số kiến nghị nhằm áp dụng hiệu quả biện pháp trợ cấp, chống trợ cấp ở Việt Nam

Tuy nhiên các công trình nghiên cứu trên chưa mang tính tổng thể và đề cập trực tiếp đến vấn đề trợ cấp. Do vậy, đây là đề tài Luận văn này có tính mới, chưa được nghiên cứu tổng thể, cần được làm rõ cả về lý luận và rất cấp bách về thực tiễn. Đề tài được thực hiện trên cơ sở tiếp thu chọn lọc và kế thừa các kết quả nghiên cứu của các công trình đã đưa ra nhằm nghiên cứu một cách tổng thể, toàn diện vấn đề này trong lý luận và thực tiễn. Luận văn tiếp tục nghiên cứu sâu về các quy định của pháp luật thương mại quốc tế về trợ cấp và các biện pháp đối kháng và các giải pháp hoàn thiện pháp luật, nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật tại Việt Nam.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Nghiên cứu đưa ra các nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và thực hiện pháp luật của WTO về trợ cấp và các biện pháp đối kháng. trên cơ sở luận giải từ việc đánh giá thực trạng pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng liên quan đến vấn đề này ở Việt Nam.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

Để đạt được các mục tiêu nghiên cứu trên thì yêu cầu đề tài phải thực hiện những nhiệm vụ sau:

- Phân tích làm rõ một số vấn đề lý luận của pháp luật như khái niệm trợ cấp, đặc điểm của trợ cấp trong thương mại quốc tế; khái niệm các biện pháp đối kháng, tác động của các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế.

- Đánh giá thực trạng pháp luật của WTO về trợ cấp và các biện pháp đối kháng; qua đó tìm ra các ưu điểm và hạn chế để làm cơ sở cho việc đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả áp dụng ở Việt Nam.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

- Các quy định của WTO về trợ cấp và các biện pháp đối kháng như Hiệp định trợ cấp và các biện pháp đối kháng của WTO (SCM).

- Thực tiễn thông qua các vụ việc giải quyết tại cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO trên thực tế.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

Về nội dung: Nghiên cứu pháp luật quốc tế về trợ cấp và các biện pháp đối kháng. Luận văn theo định hướng ứng dụng nên tác giả tập trung vào đánh giá pháp luật và thực tiễn làm cơ sở đưa ra các nhóm giải pháp cho Việt Nam.

Về không gian:

- Địa bàn nghiên cứu: thế giới

Về thời gian: Từ năm 2007 đến 2021.

### **5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu**

#### **5.1. Phương pháp luận nghiên cứu**

Tiếp cận các quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về phát triển kinh tế thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa; Chủ nghĩa Mac Le Nin về duy vật

biện chứng, chủ nghĩa duy vật lịch sử làm cơ sở nền tảng cho việc nghiên cứu đề tài.

## **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Trong quá trình nghiên cứu và trình bày, luận văn sử dụng kết hợp các phương pháp nghiên cứu khoa học khác nhau bao gồm:

- Phương pháp phân tích và tổng hợp: phương pháp này được sử dụng trong tất cả các chương của luận văn để phân tích các khái niệm, phân tích quy định của pháp luật, các số liệu... về trợ cấp và các biện pháp đối kháng

- Phương pháp so sánh: được sử dụng trong luận văn để so sánh một số quy định của pháp luật trong các văn bản khác nhau.

- Phương pháp diễn giải quy nạp: được sử dụng trong luận văn để diễn giải các số liệu, các nội dung trích dẫn liên quan và phương pháp này được sử dụng tất cả các chương của luận văn

- Phương pháp nghiên cứu điển hình: sử dụng nghiên cứu phân tích việc áp dụng pháp luật trong các vụ việc điển hình từ các vụ việc được giải quyết tại cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO.

Ngoài ra, luận văn còn sử dụng những phương pháp nghiên cứu khác: phương pháp thống kê, phương pháp bình luận,...

## **6. Những đóng góp của luận văn**

### **6.1. Về lý luận**

- Luận văn đã xây dựng một số khái niệm, đặc điểm, khung pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng.

- Đã đưa ra một số nhóm giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và thực hiện pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng và kinh nghiệm áp dụng ở Việt Nam.

### **6.2. Về thực tiễn**

- Luận văn đánh giá các quy định pháp luật quốc tế hiện hành, nghiên cứu thực tiễn áp dụng, chỉ ra các nội dung và kinh nghiệm áp dụng các quy định trợ cấp và các biện pháp đối kháng ở Việt Nam.

- Những đóng góp của luận văn là cơ sở cho các cơ quan áp dụng pháp luật, cơ quan nghiên cứu và cơ quan xây dựng pháp luật tham khảo trên thực tiễn.

## **7. Bố cục của đề tài**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và lời cảm ơn, mục lục, danh mục tài liệu tham khảo thì nội dung Luận văn với kết cấu bao gồm 3 chương:

Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ CẤP VÀ CÁC BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ TRỢ CẤP VÀ CÁC BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ VÀ KINH NGHIỆM CHO VIỆT NAM

Chương 3: ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ CẤP VÀ CÁC BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG Ở VIỆT NAM



# Chương 1

## MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ CẤP VÀ CÁC BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

### 1.1. Khái quát về trợ cấp trong thương mại quốc tế

#### 1.1.1. Khái niệm về trợ cấp trong thương mại quốc tế

Trợ cấp là một công cụ chính sách được sử dụng hầu hết ở các nước để thực hiện các mục tiêu kinh tế, văn hoá, xã hội... Tuy nhiên, tùy theo mục đích mà định nghĩa về trợ cấp khác nhau. Theo nghĩa hẹp, trợ cấp chỉ bao gồm mỗi biện pháp cấp tiền trực tiếp cho một ngành hoặc một số doanh nghiệp cụ thể. Nhược điểm của định nghĩa này là bỏ qua nhiều biện pháp trợ cấp khác có ảnh hưởng về mặt kinh tế tương đương với biện pháp này, do đó có thể gây khó khăn hoặc nhầm lẫn trong việc so sánh mức trợ cấp giữa các nước khác nhau.

Tổ chức thương mại thế giới WTO đã đưa ra khái niệm khá rõ ràng trong Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (Hiệp định SCM). Theo Điều 1 Hiệp định SCM, trợ cấp được định nghĩa là *một khoản đóng góp tài chính trực tiếp hoặc gián tiếp do một Chính phủ hoặc một cơ quan công cộng trên lãnh thổ của một nước thành viên và đem lại lợi ích cho ngành hoặc doanh nghiệp được nhận trợ cấp.*

#### 1.1.2. Phân loại trợ cấp trong thương mại quốc tế

Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng quy định 3 loại trợ cấp.

*Thứ nhất*, trợ cấp bị cấm gồm những khoản trợ cấp sau: khối lượng trợ cấp, theo luật hoặc trong thực tế, dù là một điều kiện riêng biệt hay kèm theo những điều kiện khác, căn cứ vào kết quả xuất khẩu; khối lượng trợ cấp, dù là một điều kiện riêng biệt hay kèm theo những điều kiện khác, ưu tiên sử dụng hàng nội địa hơn hàng ngoại.

*Thứ hai*, trợ cấp có thể đối kháng. Hiệp định quy định rằng không một Thành viên nào thông qua việc sử dụng trợ cấp gây ra tác động có hại đến quyền lợi của Thành viên khác, như gây tổn hại cho một ngành sản xuất nội địa của một Thành viên khác, làm vô hiệu hay gây phương hại đến những quyền lợi mà Thành viên khác trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng từ Hiệp định GATT 1994 (đặc biệt là những quyền lợi có được từ những ưu đãi thuế quan có ràng buộc), và gây tổn hại nghiêm trọng đối với lợi ích của Thành viên khác.

*Thứ ba*, trợ cấp không thể đối kháng, có thể là trợ cấp không mang tính chất riêng biệt hoặc mang tính chất riêng biệt bao gồm hỗ trợ cho các hoạt động nghiên cứu công nghiệp và hoạt động phát triển tiên cạnh tranh, hỗ trợ cho các vùng miền khó khăn, hỗ trợ nhằm xúc tiến nâng cấp những phương tiện hạ tầng hiện có cho phù hợp với yêu cầu mới về môi trường do luật pháp, hay các quy định đặt ra. Nếu một thành viên cho rằng trợ cấp không thể đối kháng khác sẽ dẫn đến những tác động tiêu cực nghiêm trọng đến ngành công nghiệp nội địa, thành viên đó có thể yêu cầu đưa ra phán quyết và khuyến cáo về vấn đề này.

#### 1.1.3. Tác động của trợ cấp trong thương mại quốc tế

##### 1.1.3.1. Tác động tích cực của trợ cấp trong thương mại quốc tế

*Thứ nhất*, trợ cấp có tác dụng điều chỉnh cơ cấu kinh tế và phân bổ nguồn lực. Trợ cấp cũng có thể được sử dụng nhằm khuyến khích những ngành sản xuất

kém sức cạnh tranh giảm công suất dư thừa hoặc rút khỏi những lĩnh vực hoạt động không hiệu quả hoặc không sinh lợi.

Thứ hai, tác dụng an sinh xã hội. Trợ cấp góp phần duy trì ổn định công ăn việc làm, hạn chế thất nghiệp, bảo đảm trật tự và ổn định xã hội, đặc biệt là những khoản trợ cấp dành cho các doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, đứng trước nguy cơ bị đóng cửa, phá sản.

Thứ ba, trợ cấp xuất khẩu giúp nâng cao khả năng cạnh tranh xuất khẩu của doanh nghiệp. Với mọi hình thức trợ cấp, lợi thế và khả năng cạnh tranh của sản phẩm trong những ngành được trợ cấp luôn được cải thiện và nâng cao.

#### *1.1.3.2 Tác động tiêu cực của trợ cấp trong thương mại quốc tế*

Thứ nhất, trợ cấp có ảnh hưởng bất lợi cho ngân sách nhà nước. Trong mọi trường hợp, trợ cấp đều ảnh hưởng bất lợi cho ngân sách nhà nước, cho dù ảnh hưởng bất lợi đó thể hiện trực tiếp hay gián tiếp, có thể kê khai được hay không kê khai được thành một khoản chi ngân sách cụ thể. Nhiều trường hợp,

Thứ hai, trợ cấp trong nước của nước này có thể gây tổn hại đến lợi ích xuất khẩu của nước khác. Nếu trợ cấp của một nước giúp bảo hộ hoặc nâng cao sức cạnh tranh của ngành sản xuất trong nước thì hiển nhiên gây bất lợi cho nước khác như ngăn cản nhập khẩu sản phẩm tương tự từ các nước khác vào thị trường nước áp dụng trợ cấp, làm vô hiệu hoá hoặc làm giảm tác dụng các cam kết ràng buộc thuế quan của nước trợ cấp.

Thứ ba, đối với nước nhập khẩu hàng được nước khác trợ cấp. Ngành sản xuất sản phẩm tương tự với sản phẩm nhập khẩu được trợ cấp sẽ gặp khó khăn do bị tăng áp lực cạnh tranh, thậm chí có thể bị thiệt hại vật chất hoặc có nguy cơ bị thiệt hại vật chất.

### **1.2. Khái quát về các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế**

#### *1.2.1. Khái niệm về các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế*

Thứ nhất, đối với trợ cấp bị cấm và trợ cấp gây thiệt cho ngành sản xuất trong nước của nước nhập khẩu, thành viên nhập khẩu có thể lựa chọn khởi kiện trợ cấp theo cơ chế đa phương được quy định tại DSU.

Thứ hai, bên cạnh việc sử dụng cơ chế đa phương, WTO cho phép các thành viên có ngành sản xuất trong nước bị thiệt hại được đơn phương áp dụng các biện pháp đối kháng trợ cấp (còn được gọi là biện pháp chống trợ cấp).

Thứ ba, WTO đặt ra những điều kiện chặt chẽ đối việc áp thuế chống trợ cấp cũng như các biện pháp đối kháng khác. Việc áp thuế chỉ được thực hiện trên cơ sở điều tra phù hợp với các quy định của WTO.

#### *1.2.2. Các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế*

Theo quan điểm của WTO, việc đối kháng một biện pháp trợ cấp được áp dụng bởi nước đang phát triển cần hết sức cân nhắc. Một số trợ cấp bị cấm mà nước đang phát triển được phép duy trì thì việc đối kháng sẽ cân nhắc theo các chế tài dành cho trợ cấp có thể bị đối kháng. Những trợ cấp có thể bị đối kháng mà nước đang phát triển áp dụng, thì các biện pháp đối kháng áp dụng sẽ suy giảm hơn so với thành viên phát triển áp dụng. Khi phát hiện có trợ cấp và thiệt hại xảy ra, Chính phủ nước nhập khẩu có thể áp dụng các biện pháp đối kháng như đưa ra một cơ quan giải quyết tranh chấp quốc tế hoặc tiến hành điều tra đánh thuế chống trợ cấp với hàng nhập khẩu được trợ cấp. Kết quả của việc điều tra có thể đi đến quyết định: đánh thuế chống trợ cấp nếu các điều kiện và thủ tục quy định được

đáp ứng; không đánh thuế chống trợ cấp trong trường hợp không hội đủ các điều kiện; hoặc nước nhập khẩu chấp nhận các cam kết tự nguyện do nhà xuất khẩu nước ngoài hoặc chính quyền nước xuất khẩu đưa ra (chẳng hạn như Chính phủ nước xuất khẩu đồng ý loại bỏ trợ cấp hoặc tiến hành các biện pháp khác để loại bỏ ảnh hưởng bất lợi của trợ cấp hay nhà xuất khẩu đồng ý điều chỉnh lại giá hàng ở mức phù hợp).

### ***1.2.3. Tác động của các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế***

Các biện pháp đối kháng được áp dụng nhằm làm triệt tiêu những ảnh hưởng tiêu cực của trợ cấp làm cho môi trường thương mại quốc tế công bằng và lành mạnh. Các biện pháp này làm hạn chế việc trợ cấp cho hàng hoá trong khâu chế tạo, sản xuất và xuất khẩu. Cũng nhờ các biện pháp này khiến các Chính phủ xem xét lại các biện pháp trợ cấp cho phù hợp, tránh được việc bảo hộ thái quá hoặc sai đối tượng.

#### ***1.2.3.1. Trợ cấp là điều kiện để áp dụng biện pháp đối kháng***

Từ khái niệm biện pháp đối kháng (hay còn gọi là biện pháp chống trợ cấp) là những biện pháp của một nước có thể áp dụng khi có cơ sở cho rằng hàng nhập khẩu vào nước đó được Chính phủ trợ cấp và gây thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước, có thể cho thấy điều kiện để áp dụng biện pháp đối kháng là có tồn tại trợ cấp và trợ cấp này gây ra thiệt hại.

#### ***1.2.3.2. Tác động của biện pháp đối kháng với trợ cấp***

Các biện pháp đối kháng được áp dụng nhằm làm triệt tiêu những ảnh hưởng tiêu cực của trợ cấp làm cho môi trường thương mại quốc tế công bằng và lành mạnh. Các biện pháp này làm hạn chế việc trợ cấp cho hàng hoá trong khâu chế tạo, sản xuất và xuất khẩu. Cũng nhờ các biện pháp này khiến các Chính phủ xem xét lại các biện pháp trợ cấp cho phù hợp, tránh được việc bảo hộ thái quá hoặc sai đối tượng.

## **1.3. Khái quát pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế**

### ***1.3.1. Khái niệm pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế***

Như vậy, pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế là tổng thể các quy định của tổ chức thương mại quốc tế WTO điều chỉnh các hành động của các quốc gia thành viên nhằm tạo ra sự thống nhất về việc áp dụng trợ cấp và thực hiện các biện pháp đối kháng trong khuôn khổ WTO.

#### ***1.3.2. Nội dung Hiệp định về trợ cấp và biện pháp đối kháng của WTO***

Hiệp định về Trợ cấp và các Biện pháp đối kháng (Hiệp định SCM) là một trong các hiệp định của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Hiệp định được ký cùng với các hiệp định khác của WTO tại Vòng đàm phán Uruguay. Hiệp định có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1995.

Hiệp định đưa ra các quy định về việc sử dụng các biện pháp trợ cấp cũng như các quy định về những hành động một thành viên WTO có thể sử dụng để đối phó lại ảnh hưởng của các biện pháp trợ cấp. Theo Hiệp định, một thành viên WTO có thể sử dụng cơ chế giải quyết tranh chấp của WTO để yêu cầu một thành

viên khác rút lại biện pháp trợ cấp mà họ đang áp dụng, hoặc có những phương thức khắc phục ảnh hưởng tiêu cực của biện pháp trợ cấp đó. Thành viên bị ảnh hưởng cũng có thể thực hiện điều tra riêng của mình và có thể áp một mức thuế nhập khẩu bổ sung (được gọi là thuế chống trợ cấp) đối với hàng nhập khẩu được trợ cấp mà theo kết quả điều tra gây tổn hại đến ngành sản xuất trong nước.

Những quy tắc GATT về trợ cấp quy định trong điều XVI được làm rõ và nêu chi tiết tại Hiệp định về trợ cấp và các biện pháp đối kháng (SCM) và Hiệp định nông nghiệp. Nói rộng ra, các điều khoản của Hiệp định SCM áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp; còn các điều khoản của Hiệp định nông nghiệp áp dụng cho các sản phẩm nông nghiệp.

Hiệp định SCM thừa nhận rằng chính phủ dùng các khoản trợ cấp để đạt những mục đích chính sách khác nhau. Tuy nhiên, Hiệp định hạn chế quyền của chính phủ trợ cấp tác động bóp méo thương mại. Những quy tắc của Hiệp định là phức tạp.

### **1.3.3. Đối xử đặc biệt và khác biệt dành cho các Thành viên**

#### **1.3.3.1. Nhóm các Thành viên đang phát triển**

Hiệp định SCM thừa nhận ba trường hợp của các thành viên đang phát triển là: (i) Các nước chậm phát triển theo định nghĩa của Liên Hợp Quốc là Thành viên WTO; (ii) Các nước đang phát triển là Thành viên WTO cho tới thời điểm thu nhập quốc dân tính theo đầu người đạt mức 1000 USD mỗi năm (Bolivia, Cameroon, Congo, Bờ biển Ngà (Côte d'Ivoire), Cộng hòa Dominica, Hy Lạp, Ghana, Guyana, Ấn Độ, Indonesia, Kenya, Ma-rốc, Nicaragua, Nigeria, Pakistan, Phillipines, Senegal, Sri Lanka, và Zimbabwe); (iii) Các Thành viên đang phát triển khác. Trường hợp (i) và (ii) đề cập đến “các quốc gia trong Phụ lục VII”.

#### **1.3.3.2. Các nước có nền kinh tế chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường**

Hiệp định SCM có quy định khác biệt đối với các thành viên có nền kinh tế chuyển đổi trong việc tính toán mức độ trợ cấp. Cơ quan điều tra sẽ sử dụng giá và chi phí sản xuất của hàng hóa tại một nước thứ ba hay một nước thay thế nào đó để làm cơ sở tính toán cho giá thông thường. Như vậy, doanh nghiệp của các nước có nền kinh tế phi thị trường sẽ phải chịu sự phân biệt đối xử so với doanh nghiệp thuộc các nước có nền kinh tế thị trường.

*Trợ cấp và chống trợ cấp là vấn đề khá phức tạp. Hiệp định SCM đã xây dựng được một khung pháp lý cơ bản mà các thành viên phải tuân thủ. Theo đó, Việt Nam khi tham gia vào WTO cần thiết phải biết và hiểu được các quy định của WTO về loại trợ cấp nào được áp dụng, loại nào không được áp dụng, trình tự thủ tục áp dụng biện pháp đối kháng... Bên cạnh đó cần tận dụng những ưu đãi dành cho các thành viên đang phát triển để xây dựng các chương trình trợ cấp và áp dụng các biện pháp đối kháng một cách hiệu quả.*

### **1.4. Pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng của một số nước**

Các quy định tại Hiệp định SCM là bắt buộc đối với tất cả các thành viên của WTO. Mỗi quốc gia thành viên có quyền ban hành và áp dụng các pháp luật về trợ cấp và đối kháng riêng của nước mình nhưng không được trái với các quy định liên quan của Hiệp định. Trường hợp nhận thấy thành viên nào có quy định pháp

luật hoặc cơ quan điều tra của nước thành viên trên thực tế không phù hợp với các quy định của WTO, các quốc gia thành viên khác có thể khiếu kiện ra Cơ quan giải quyết tranh chấp của WTO.

#### **1.4.1. Khái niệm trợ cấp của một số nước**

##### **1.4.1.1. Hệ thống văn bản pháp luật của một số nước về trợ cấp**

Đề áp dụng thuế chống trợ cấp cần phải có một khung pháp lý điều chỉnh về vấn đề này. Tùy từng điều kiện cụ thể mà mỗi nước có thể thiết kế bộ khung pháp lý điều chỉnh thuế chống trợ cấp khác nhau. Một số nước như Thụy Sĩ, Nhật Bản... áp dụng trực tiếp các quy định của WTO.

a) Hoa Kỳ:

b) EU

c) Trung Quốc

#### **1.4.2. Xác định thiệt hại của trợ cấp ở một số nước**

##### **1.4.2.1. Xác định mức độ trợ cấp**

a) Hoa Kỳ

b) EU

EU đánh thuế chống trợ cấp còn dựa trên căn cứ về lợi ích của Khối trong việc đánh thuế chống trợ cấp. Điều này có nghĩa là ngay cả khi điều tra đi đến kết luận rằng có sự tồn tại của trợ cấp nước ngoài gây thiệt hại cho ngành sản xuất sản phẩm liên quan trong Khối, EU vẫn có thể quyết định không đánh thuế chống trợ cấp nếu xét thấy việc đánh thuế sẽ không đảm bảo lợi ích của cộng đồng.

##### **1.4.2.2. Xác định mức độ thiệt hại**

Theo luật Hoa Kỳ, thiệt hại vật chất phải là những thiệt hại có nguyên nhân từ trợ cấp, hữu hình và có quy mô đáng kể.

Khi xác định thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước, Trung Quốc quy định xem xét thêm các yếu tố: năng lực sản xuất, khả năng xuất khẩu của nước xuất khẩu và nước xuất xứ của sản phẩm được trợ cấp và lượng hàng tồn kho của sản phẩm được trợ cấp đang bị điều tra; các yếu tố khác gây ra thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước.

##### **1.4.2.3. Xác định mối quan hệ nhân quả giữa hàng nhập khẩu được trợ cấp và thiệt hại**

Quá trình điều tra chống trợ cấp của DOC bao gồm xác định 2 nội dung: Có tồn tại chương trình trợ cấp vi cáo buộc hay không và mức độ trợ cấp là bao nhiêu. Do đó, khi xem xét về tính tồn tại của trợ cấp, DOC không xét đến các tác động về giá và khối lượng của trợ cấp.

##### **1.4.2.4. Xác định nền kinh tế phi thị trường và lựa chọn nước thay thế**

*Thứ nhất, về việc xác định một nền kinh tế phi thị trường.* Theo quy định của pháp luật Hoa Kỳ thì Cục Nhập khẩu thuộc Bộ Thương mại (DOC) là cơ quan có thẩm quyền xác định các nước có nền kinh tế phi thị trường. Theo Đạo luật Thuế quan năm 1930 của Hoa Kỳ, việc một nước có bị coi là có nền kinh tế phi thị trường hay không sẽ được DOC quyết định dựa trên các tiêu chí sau: Mức độ chuyên đổi của đồng nội tệ; .

*Thứ hai, về nước thay thế.* Theo pháp luật Hoa Kỳ thì nước thay thế là nước có nền kinh tế thị trường, có trình độ phát triển tương đương với nước bị kiện (chủ yếu dựa vào thu nhập quốc dân bình quân đầu người) và là nước sản xuất đáng kể mặt hàng tương tự như mặt hàng đang bị điều tra. Pháp luật của EC lại có quy định khác về nước thay thế.

### **1.4.3. Thủ tục chống trợ cấp một số nước**

#### **1.4.3.1. Cơ quan thực hiện**

a) Hoa Kỳ

b) EU

c) Trung Quốc

d) Các nước ASEAN

Về tổ chức thực hiện, cơ quan chủ trì việc điều tra và khuyến nghị áp dụng các biện pháp chống trợ cấp đều là *Bộ Thương mại (hoặc Bộ Công thương), Bộ Tài chính và Cục Hải quan (thuộc Bộ Tài chính)* là cơ quan kiểm soát hàng nhập khẩu và đánh thuế chống trợ cấp. Cơ cấu này áp dụng chung cho cả chống trợ cấp và chống bán phá giá. Có thể thấy rằng đây là một cơ cấu tương đối đơn giản và dễ áp dụng trong điều kiện của các nước đang phát triển.

## **Tiểu kết Chương 1**

Quan điểm về trợ cấp của WTO đã trải qua một quá trình hình thành và phát triển với những thay đổi nhất định. Nếu như giai đoạn GATT 1947, quan điểm về trợ cấp không thể hiện rõ ràng, những thoả thuận về trợ cấp cũng không mang tính ràng buộc, mà chỉ mang tính tùy nghi. Thậm chí các khoản trợ cấp được đánh giá có tác động mạnh tới thương mại cũng chỉ khuyến nghị các thành viên nên tránh áp dụng và không đặt ra lệnh cấm áp dụng. Thì tới giai đoạn WTO, quan điểm về trợ cấp của WTO đã được thể hiện rõ ràng, chi tiết và toàn diện tại nhiều Hiệp định liên quan. Khái niệm trợ cấp rộng cũng đưa ra với các tiêu chí cụ thể để xác định sự tồn tại của trợ cấp, điều này cũng thể hiện một phần quan điểm phản đối trợ cấp của WTO. Các thoả thuận ràng buộc đa phương về trợ cấp đã được đặt ra, buộc các thành viên phải tuân thủ mà không được lựa chọn tùy nghi như trước.

Chương 1 luận văn đã phân tích các khái niệm về trợ cấp và các biện pháp đối kháng; làm rõ một số nội dung đặc điểm trợ cấp và các biện pháp đối kháng, phân loại trợ cấp và các biện pháp đối kháng. Trên cơ sở đó, luận văn đã phân tích lý luận về phân tích nguồn luật điều chỉnh và nội dung cơ bản của trợ cấp và các biện pháp đối kháng. làm tiền đề cho Chương 2 nghiên cứu về thực trạng pháp luật và đánh giá thực tiễn thực hiện pháp luật.

## Chương 2

# THỰC TRẠNG VÀ THỰC TIỄN THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ CẤP VÀ CÁC BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG TRONG THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ

### 2.1. Thực trạng pháp luật quốc tế về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế

#### 2.1.1. Quy định về xác định loại trợ cấp và thiệt hại do trợ cấp gây ra

##### 2.1.1.1. Quy định về xác định loại trợ cấp

Để xác định hàng hóa nhập khẩu có được trợ cấp hay không, cơ quan điều tra nước nhập khẩu sẽ tiến hành tính toán mức trợ cấp của hàng hóa đó. Phương pháp tính toán chi tiết tuân thủ pháp luật của nước điều tra về vấn đề này, nhưng về cơ bản việc tính toán sẽ theo nguyên tắc sau đây của WTO: i) Nếu Nhà nước cho doanh nghiệp vay một khoản với mức lãi suất thấp hơn mức lãi suất thương mại bình thường cho khoản vay tương tự: Mức trợ cấp được tính là phần chênh lệch giữa hai mức lãi suất này; ii) Nếu Nhà nước bảo lãnh vay với chi phí bảo lãnh thấp hơn mức chi phí mà doanh nghiệp phải trả cho khoản vay thương mại tương tự nếu không có bảo lãnh của Nhà nước: Mức trợ cấp sẽ được tính là phần chênh lệch giữa hai mức này; iii) Nếu Nhà nước mua hoặc cung cấp hàng hóa, dịch vụ với giá mua cao hơn mức hợp lý hoặc giá cung cấp thấp hơn mức hợp lý (xác định theo các điều kiện thị trường của hàng hóa/dịch vụ liên quan): mức trợ cấp là mức chênh lệch giá. Biên độ trợ cấp được tính theo phần trăm mức trợ cấp trên trị giá hàng hóa.

##### 2.1.1.2. Quy định về thiệt hại do trợ cấp gây ra

Việc xác định “thiệt hại” là một bước không thể thiếu trong một vụ điều tra chống trợ cấp và chỉ khi kết luận điều tra khẳng định có thiệt hại đáng kể cho ngành sản xuất nội địa nước nhập khẩu thì nước nhập khẩu mới có thể xem xét việc áp dụng các biện pháp chống trợ cấp. Bao gồm i) về hình thức, các thiệt hại này có thể tồn tại dưới 02 dạng: *thiệt hại thực tế*, hoặc *nguy cơ thiệt hại* (nguy cơ rất gần); ii) về mức độ, các thiệt hại này phải ở mức *đáng kể*; iii) về phương pháp, các thiệt hại thực tế được xem xét trên cơ sở phân tích *tất cả các yếu tố có liên quan đến thực trạng của ngành sản xuất nội địa* (ví dụ tỷ lệ và mức tăng lượng nhập khẩu, thị phần của sản phẩm nhập khẩu, thay đổi về doanh số, sản lượng, năng suất, nhân công...)

#### 2.1.2. Quy định về áp dụng các biện pháp đối kháng

##### 2.1.2.1. Nguyên tắc áp dụng và rà soát thuế đối kháng

Mức thuế chống trợ cấp không được cao hơn giá trị trợ cấp tính theo đơn vị sản phẩm nhập khẩu được trợ cấp. Thuế chống trợ cấp phải được áp dụng trên cơ sở không phân biệt đối xử đối với hàng nhập khẩu từ tất cả các nước bị xác định là có trợ cấp gây ra thiệt hại cho ngành sản xuất của nước nhập khẩu, trừ hàng nhập khẩu từ những nước đã tuyên bố chấm dứt trợ cấp hoặc đã đưa ra cam kết và được cơ quan điều tra chấp thuận. Tuy nhiên, mức thuế cụ thể áp dụng với hàng nhập khẩu của mỗi nước khác nhau cũng khác nhau phụ thuộc vào mức độ trợ cấp và thiệt hại cụ thể của từng trường hợp. Quyết định áp thuế chỉ có hiệu lực

đối với hàng hoá liên quan nhập khẩu. Sau thời điểm ban hành Quyết định, việc áp dụng hồi tố (áp dụng cho những lô hàng nhập khẩu trước thời điểm ban hành Quyết định) chỉ được thực hiện nếu thiệt hại gây ra cho ngành sản xuất nội địa là thiệt hại thực tế.

#### 2.1.2.2. Áp dụng biện pháp tạm thời (*provisional measures*)

*Thứ nhất*, nhằm đảm bảo nguyên tắc “không cản trở thủ tục thông quan” trong quá trình điều tra, biện pháp tạm thời áp dụng trong điều tra chống trợ cấp cũng như chống bán phá giá chỉ có thể là các biện pháp tài chính. Cụ thể, biện pháp tạm thời có thể áp dụng là thuế chống trợ cấp tạm thời hoặc tiền đặt cọc tương đương gia trị trợ cấp.

*Thứ hai*, biện pháp tạm thời áp dụng trên cơ sở kết quả điều tra sơ bộ, theo đó trợ cấp có tồn tại và việc hàng nhập khẩu có trợ cấp đã gây thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước của nước nhập khẩu. Biên độ trợ cấp, giá trị trợ cấp (*amount of subsidy*) được đưa ra trong kết luận điều tra sơ bộ sẽ là căn cứ quan trọng để xác định mức thuế chống trợ cấp tạm thời hoặc mức tiền đặt cọc. Điều này cũng liên quan đến điều kiện về thời điểm bắt đầu áp dụng biện pháp tạm thời: không áp dụng trước khi có kết quả điều tra sơ bộ.

*Thứ ba*, biện pháp tạm thời không phải là biện pháp chính thức, lâu dài, vì vậy thời điểm bắt đầu áp dụng và khoảng thời gian có thể kéo dài đều phải thuộc thời gian điều tra. Theo đó, thời điểm bắt đầu áp dụng biện pháp tạm thời là sau thời điểm bắt đầu khởi xướng điều tra ít nhất 60 ngày. Và dù quá trình điều tra có thể kéo dài đến 18 tháng thì biện pháp tạm thời chỉ được phép áp dụng trong thời gian ngắn, không quá 4 tháng. So với các quy định về biện pháp chống bán phá tạm thời thì biện pháp chống trợ cấp tạm thời có thời gian được phép áp dụng ngắn hơn, dù là trong các trường hợp đặc biệt.

#### 2.1.2.3. Thoả thuận cam kết tự nguyện (*undertaking*)

Theo Điều 18 – Hiệp định SCM, cam kết tự nguyện (còn gọi Thoả thuận đình chỉ - *Undertaking*) là cam kết đơn phương từ phía chính phủ xuất khẩu về việc xoá bỏ, hạn chế trợ cấp hay các biện pháp khác có tác động tương tự hoặc từ phía nhà xuất khẩu về việc tăng giá sản phẩm sao cho cơ quan điều tra được đảm bảo là trợ cấp không còn gây ra thiệt hại.

*Thứ nhất*, người đưa ra cam kết tự nguyện, chính phủ xuất khẩu hay nhà xuất khẩu, không bị bắt buộc phải đưa ra cam kết trong bất kỳ tình huống nào.

*Thứ hai*, cho dù kết quả điều tra sơ bộ cho thấy có tồn tại trợ cấp và thiệt hại thì cơ quan điều tra của nước nhập khẩu cũng không bắt buộc phải đề nghị chính phủ xuất khẩu hay nhà xuất khẩu đưa ra cam kết.

#### 2.1.2.4. Áp dụng thuế chống trợ cấp

Theo Điều VI.3 – GATT 1994, thuế đối kháng (thuế chống trợ cấp) được hiểu là một khoản thuế đặc biệt áp dụng nhằm mục đích triệt tiêu mọi khoản ưu đãi hay trợ cấp dành trực tiếp hay gián tiếp cho công đoạn chế biến, sản xuất hay xuất khẩu bất cứ hàng hoá nào.

Thuế chống trợ cấp là biện pháp chống trợ cấp chính thức và phổ biến tại các nước nhập khẩu khi hàng nhập khẩu có trợ cấp. Thuế chống bán phá giá chỉ được



phép áp dụng đối với hàng nhập khẩu sau khi đã tiến hành điều tra theo đúng quy định của Hiệp định SCM. Cơ quan điều tra phải đưa ra được đầy đủ bằng chứng để có thể áp thuế chống trợ cấp, cụ thể: i) Có đầy đủ bằng chứng về sự tồn tại của trợ cấp và giá trị trợ cấp được xác định vượt quá mức tối thiểu 1% trị sản phẩm đối với hàng xuất xứ từ các nước phát triển, trong trường hợp hàng nhập khẩu xuất xứ từ nhiều nước bị điều tra thì yêu cầu này được xác định với từng xuất xứ; ii) Có đầy đủ bằng chứng về thiệt hại hoặc sự đe dọa gây thiệt hại cho ngành sản xuất trong nước của nước nhập khẩu, nếu lượng hàng nhập khẩu là không đáng kể thì thiệt hại không được coi là tồn tại; iii) Có đầy đủ bằng chứng về mối quan hệ nhân quả giữa hàng nhập khẩu có trợ cấp và thiệt hại xảy ra cho ngành sản xuất trong nước.

### **2.1.3. Quy định về cơ quan có thẩm quyền điều tra và áp dụng biện pháp đối kháng**

#### **2.1.3.1. Thủ tục điều tra và áp dụng thuế đối kháng**

##### **a) Căn cứ điều tra chống trợ cấp**

*Thứ nhất*, Trợ cấp phải có tính riêng biệt. Theo quy định của Hiệp định SCM, tất cả các trợ cấp “đền đờ” đều là trợ cấp riêng, tức là đều có thể bị nước khác điều tra đánh thuế chống trợ cấp. Trợ cấp “đền vàng” là trợ cấp mang tính riêng biệt nhưng không thuộc nhóm trợ cấp “đền đờ” nói trên. Một khoản trợ cấp được coi là một trợ cấp riêng nếu trợ cấp đó chỉ dành riêng cho một (hoặc một nhóm) ngành (hoặc doanh nghiệp); hoặc dành riêng cho các doanh nghiệp nằm trong một khu vực địa lý nhất định.

*Thứ hai*, bằng chứng về thiệt hại đối với ngành sản xuất trong nước. Ngành sản xuất trong nước được hiểu là đề cập chung đến tất cả các nhà sản xuất trong nước cùng sản xuất ra sản phẩm tương tự hay những nhà sản xuất sản phẩm tương tự có sản lượng cộng gộp chiếm tỷ trọng lớn trong tổng sản lượng nội địa của những sản phẩm đó. Tuy nhiên, các nhà sản xuất có quan hệ với nhà xuất khẩu hoặc nhà nhập khẩu, hoặc bản thân chính nhà sản xuất là nhà nhập khẩu các sản phẩm bị cho là được nước ngoài trợ cấp hoặc các sản phẩm tương tự từ các nước khác sẽ không được tính vào nhóm các nhà sản xuất thuộc ngành sản xuất trong nước.

*Thứ ba*, bằng chứng về thiệt hại của ngành sản xuất trong nước. Thiệt hại này tồn tại dưới dạng (i) thiệt hại vật chất thực tế, (ii) đe dọa gây ra thiệt hại vật chất, hoặc (iii) gây chậm trễ việc hình thành ngành.

*Thứ tư*, bằng chứng về quan hệ nhân quả giữa hàng nhập khẩu được trợ cấp và thiệt hại. Khi xem xét quan hệ nhân quả giữa hàng nhập khẩu được trợ cấp với thiệt hại của ngành sản xuất trong nước, cơ quan điều tra phải đánh giá tác động về khối lượng và tác động về giá của hàng nhập khẩu được trợ cấp.

##### **b) Khởi kiện**

Việc điều tra để xác định sự tồn tại, mức độ và tác động của trợ cấp nước ngoài thường được tiến hành trên cơ sở đề nghị bằng văn bản của ngành sản xuất sản phẩm tương tự tại nước nhập khẩu, hoặc của một nhóm các nhà sản xuất đại

diện cho ngành đó, trong một số trường hợp đặc biệt, cơ quan điều tra của nước nhập khẩu có thể tự quyết định bắt đầu tiến hành điều tra.

*c) Quá trình điều tra*

Điều tra chống trợ cấp phải kết thúc trong thời hạn 12 tháng, trong trường hợp đặc biệt tối đa là 18 tháng kể từ khi chính thức bắt đầu điều tra.

*Thứ nhất*, các bên liên quan trong quá trình điều tra gồm: i) Nhà sản xuất hoặc xuất khẩu nước ngoài; hoặc ii) Nhà nhập khẩu sản phẩm đang bị điều tra về trợ cấp; hoặc iii) Hiệp hội kinh doanh hay thương mại mà đa số thành viên là các nhà sản xuất, xuất khẩu, hoặc nhập khẩu sản phẩm đang bị điều tra về trợ cấp; iv) Nhà sản xuất sản phẩm tương tự tại nước nhập khẩu; hoặc v) Hiệp hội kinh doanh hay thương mại có đa số thành viên cũng sản xuất sản phẩm tương tự tại nước nhập khẩu; và các đối tượng khác.

*Thứ hai*, quá trình điều tra.

i) *Quyết định điều tra*: Ngay sau khi chính thức bắt đầu điều tra, cơ quan điều tra của nước nhập khẩu phải công bố quyết định tiến hành điều tra và thông báo cho Chính phủ nước xuất khẩu có sản phẩm bị điều tra cũng như các bên có quyền lợi liên quan.

ii) *Điều tra sơ bộ* qua bảng câu hỏi gửi cho các bên liên quan, thu thập, xác minh thông tin, thông tin do các bên tự cung cấp. Cơ quan điều tra gửi bản câu hỏi điều tra cho các nhà xuất khẩu, nhà sản xuất của nước xuất khẩu và Chính phủ nước xuất khẩu có sản phẩm đang bị điều tra. Các đối tượng được gửi câu hỏi điều tra sẽ được dành tối thiểu 30 ngày kể từ ngày nhận được câu hỏi để hoàn thành bản trả lời. Bản câu hỏi điều tra thường bao gồm các yêu cầu về: thông tin chung về doanh nghiệp; mô tả sản phẩm liên quan; số liệu thống kê (về sản lượng, doanh số, doanh thu ròng, năng lực sản xuất, công suất, tồn kho/dự trữ, số lượng nhân công, giá trị đầu tư, v.v.); thông tin về xuất khẩu sản phẩm liên quan sang nước nhập khẩu; thông tin về chương trình, biện pháp trợ cấp...

iii) *Kết luận sơ bộ*: Nếu Chính phủ nước xuất khẩu hoặc bên liên quan nào từ chối cung cấp các thông tin cần thiết trong thời hạn hợp lý hoặc cố tình ngăn cản điều tra thì cơ quan điều tra được quyền đưa ra các kết luận sơ bộ và chính thức căn cứ theo những dữ kiện thực tế mà cơ quan này có thể thu thập được.

*2.1.3.2. Các biện pháp tạm thời*

Biện pháp tạm thời là biện pháp chống trợ cấp áp dụng đối với hàng hoá nhập khẩu thuộc diện bị điều tra trước khi có kết luận cuối cùng về vụ việc nhằm ngăn chặn thiệt hại xảy ra trong quá trình điều tra. Biện pháp này thường được thực hiện khi vụ điều tra có kết luận sơ bộ cho rằng có việc trợ cấp của nước xuất khẩu gây thiệt hại. Biện pháp tạm thời chỉ được áp dụng theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Hiệp định SCM. Theo đó, điều kiện áp dụng các biện pháp tạm thời: i) Việc điều tra được bắt đầu tiến hành phù hợp, đã có thông báo công khai về việc điều tra và các Thành viên và các bên quan tâm đã được tạo cơ hội thích đáng để cung cấp thông tin và nhận xét; ii) Đã xác định sơ bộ rằng có tồn tại trợ cấp và việc nhập khẩu được trợ cấp đã gây tổn hại cho ngành sản xuất trong nước; và iii) Cơ

quan có thẩm quyền liên quan cho rằng các biện pháp đó là cần thiết để ngăn chặn thiệt hại xảy ra trong quá trình điều tra.

#### **2.1.4. Quy định về các chế tài về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế**

##### **2.1.4.1. Đối với trợ cấp bị cấm**

Mỗi khi một Thành viên có lý do để tin rằng một khoản trợ cấp bị cấm đang được một Thành viên khác áp dụng hay duy trì, thì Thành viên đó có thể yêu cầu được tham vấn với Thành viên kia. Yêu cầu tham vấn nêu tại khoản 1 phải kèm theo một bản trình bày chứng cứ hiện có về sự tồn tại và tính chất của trợ cấp nói trên. Khi có yêu cầu tham vấn theo quy định tại khoản 1, Thành viên bị coi là đang áp dụng hay duy trì trợ cấp bị cấm sẽ tiến hành tham vấn trong thời gian sớm nhất có thể được. Mục tiêu tham vấn là nhằm làm rõ sự thật tình và đi đến một thoả thuận chung giữa các bên.

##### **2.1.4.2. Các chế tài**

Mỗi khi một Thành viên có lý do để tin rằng một khoản trợ cấp bị cấm đang được một Thành viên khác áp dụng hay duy trì, thì Thành viên đó có thể yêu cầu được tham vấn với Thành viên kia. Yêu cầu tham vấn nêu tại khoản 1 phải kèm theo một bản trình bày chứng cứ hiện có về sự tồn tại và tính chất của trợ cấp nói trên. Khi có yêu cầu tham vấn theo quy định tại khoản 1, Thành viên bị coi là đang áp dụng hay duy trì trợ cấp bị cấm sẽ tiến hành tham vấn trong thời gian sớm nhất có thể được. Mục tiêu tham vấn là nhằm làm rõ sự thật tình và đi đến một thoả thuận chung giữa các bên. Nếu trong vòng 30 ngày kể từ ngày có yêu cầu tham vấn mà không đạt được một giải pháp được các bên chấp nhận, thì bất kỳ Thành viên nào tham gia tham vấn cũng có thể đưa vấn đề ra Cơ quan giải quyết tranh chấp (DSB "DSB") để ngay lập tức thành lập một ban hội thẩm, trừ khi DSB nhất trí quyết định không thành lập ban hội thẩm để giải quyết vấn đề đó. Ngay khi được thành lập, ban hội thẩm có thể yêu cầu sự trợ giúp của Nhóm Chuyên gia thường trực (theo Hiệp định gọi tắt là "PGE") để đánh giá xem biện pháp đang được nêu ra có phải là trợ cấp bị cấm không.

#### **2.1.5. Cơ chế giải quyết tranh chấp về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế**

*Thứ nhất*, đối với tranh chấp về việc một thành viên áp dụng hay duy trì trợ cấp bị cấm, thời hạn được quy định để giải quyết tranh chấp sẽ ngắn hơn, thậm chí chỉ bằng một nửa thời hạn được quy định trong DSU. Thời hạn tham vấn dành cho tranh chấp này chỉ còn 30 ngày, thời hạn DSB ra quyết định công nhận báo cáo cuối cùng của Ban hội thẩm cũng chỉ còn 30 ngày, thủ tục phúc thẩm cũng giới hạn trong 30 ngày, trong khi theo thủ tục chung những thời hạn này là 60 ngày. Thời hạn DSB công nhận báo cáo phúc thẩm cũng rút xuống 20 ngày thay vì 30 ngày như các tranh chấp khác.

*Thứ hai*, đối với tranh chấp về việc một thành viên áp dụng trợ cấp gây tác động nghịch, thời hạn được quy định để giải quyết tranh chấp chỉ được rút ngắn ở một số thủ tục. Thời hạn Ban hội thẩm phải đưa ra báo cáo cuối cùng kể từ ngày Ban hội thẩm được thành lập trong mọi trường hợp là 120 ngày, không được kéo dài

đến 9 tháng như thủ tục giải quyết các tranh chấp khác. Thời hạn DSB thông qua báo cáo hội thẩm là 30 ngày và báo cáo phúc thẩm là 20 ngày, thay cho 60 ngày và 30 ngày theo các quy định chung.

## **2.2. Thực trạng pháp luật Việt Nam về trợ cấp và các biện pháp đối kháng**

### **2.2.1. Cam kết của Việt Nam về trợ cấp**

#### *2.2.1.1. Quy định về đóng góp tài chính của Chính phủ*

Hiện nay, theo báo cáo của Việt Nam trước WTO, một số biện pháp đóng góp tài chính của chính phủ đang được áp dụng và duy trì, chủ yếu là các biện pháp ưu đãi về thuế và hỗ trợ tín dụng. Một khoản đóng góp tài chính của chính phủ có thể cấu thành trợ cấp hay không, hoặc có khả năng bị đối kháng hay không sẽ được phân tích cụ thể đối với từng khoản đóng góp tài chính.

#### *2.2.1.2. Các chương trình ưu đãi về thuế nhập khẩu*

Chương trình ưu đãi thuế nhập khẩu áp dụng cho doanh nghiệp đầu tư trong các lĩnh vực hoặc địa bàn được khuyến khích đầu tư để phát triển. Chương trình miễn giảm thuế nhập khẩu được áp dụng từ trước khi Việt Nam gia nhập WTO cho đến gần đây tiếp tục được ghi nhận tại Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2016 và Nghị định 134/2016/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 1/9/2016. Chương trình giảm thuế nhập khẩu chỉ áp dụng cho hàng hoá bị hư hỏng trong quá trình thông quan, vì vậy sẽ không đủ yếu tố cấu thành trợ cấp.

#### *2.2.1.3. Chương trình ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp*

Ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm các biện pháp miễn thuế và giảm thuế được ghi nhận tại Luật thuế thu nhập doanh nghiệp số 2008 và các văn bản liên quan khác. *Miễn thuế thu nhập doanh nghiệp chung* áp dụng đối với các thu nhập: (1) từ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản, sản xuất muối, hoạt động đánh bắt hải sản và dịch vụ kỹ thuật trực tiếp phục vụ nông nghiệp; (2) từ việc thực hiện hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, sản phẩm đang trong thời kỳ sản xuất thử nghiệm, sản phẩm làm ra từ công nghệ mới lần đầu áp dụng tại Việt Nam; (3) từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ của doanh nghiệp dành riêng cho lao động là người tàn tật, người sau cai nghiện, người nhiễm HIV; (4) từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người tàn tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng tị nạn xã hội; (5) được chia từ hoạt động góp vốn, liên doanh, liên kết với doanh nghiệp trong nước, sau khi đã nộp thuế thu nhập; (6) khoản tài trợ nhận được để sử dụng cho hoạt động giáo dục, nghiên cứu khoa học, văn hóa, nghệ thuật, từ thiện, nhân đạo và hoạt động xã hội khác tại Việt Nam.

#### *2.2.1.4. Chương trình ưu đãi về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp*

Ưu đãi thuế sử dụng đất phi nông nghiệp là việc miễn hoặc giảm thuế sử dụng đất phi nông nghiệp đối với dự án thuộc các lĩnh vực hoặc địa bàn được khuyến khích đầu tư theo pháp luật đầu tư. Chương trình được quy định tại Luật về thuế sử dụng đất phi nông nghiệp số 2010, các văn bản hướng thi hành và các văn bản liên quan. Đối tượng được miễn thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: (1)

Các dự án đầu tư vào thuộc ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư quy định tại Mục A – Phụ lục I hoặc đầu tư tại địa bàn có Điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn quy định tại Phụ lục II - Nghị định 118/2015/NĐ-CP; (2) Dự án đầu tư có quy mô vốn từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư hoặc kể từ ngày được quyết định chủ trương đầu tư; (3) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư quy định tại Mục B Phụ lục I thực hiện tại địa bàn có Điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn quy định tại Phụ lục II Nghị định số 118/2015/NĐ-CP.

#### *2.2.1.5. Các chương trình tín dụng*

*Thứ nhất*, chương trình tín dụng đầu tư của Nhà nước. Tín dụng đầu tư của Nhà nước là việc cấp tín dụng cho doanh nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thông qua Ngân hàng phát triển Việt Nam (VDB). Chương trình tín dụng đầu tư mới nhất được áp dụng theo Nghị định 32/2017/NĐ-CP của Chính phủ ngày 31/03/2017 về tín dụng đầu tư của Nhà nước, theo đó, doanh nghiệp có thể tiếp cận phải chuẩn bị hồ sơ dự án xin vay vốn để được thẩm định, phải đảm bảo tối thiểu 20% tổng vốn đầu tư dự án, mua bảo hiểm tài sản tại một doanh nghiệp bảo hiểm và đáp ứng các điều kiện khác. Doanh nghiệp có thể được vay tối đa 70% tổng mức vốn đầu tư của dự án với thời hạn không quá 15 năm.

*Thứ hai*, chương trình tín dụng cho thương nhân hoạt động thương mại tại địa bàn khó khăn. Ngân hàng chính sách xã hội cho thương nhân hoạt động thương mại tại các địa bàn khó khăn (miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số) vay tiền để đáp ứng nhu cầu đầu tư. Chương trình tín dụng được quy định cụ thể tại Quyết định số 92/2009/QĐ-TTg ngày 8/7/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng cho thương nhân hoạt động thương mại tại địa bàn khó khăn và Quyết định số 1049/2009/QĐ-TTg ngày 26/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Danh mục các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.

#### *2.2.1.6. Chương trình bảo lãnh tín dụng*

Bảo lãnh tín dụng là một trong những biện pháp hỗ trợ tài chính có thể tạo thành trợ cấp theo quy định của WTO. Việc áp dụng và duy trì chương trình bảo lãnh tín dụng của Việt Nam là một biện pháp cần cân nhắc.

*Thứ nhất*, chương trình bảo lãnh tín dụng đầu tư.

Bảo lãnh tín dụng đầu tư là một bộ phận trong hoạt động tín dụng đầu tư của Nhà nước, theo đó, thông qua VDB, Nhà nước cam kết với tổ chức tín dụng cho vay vốn về việc sẽ trả nợ thay cho bên đi vay. Bảo lãnh tín dụng đầu tư được quy định cụ thể tại Quy chế bảo lãnh tín dụng đầu tư ban hành kèm Quyết định số 76/QĐ-HĐQL ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Hội đồng quản lý Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

*Thứ hai*, chương trình bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa. Doanh nghiệp nhỏ và vừa là nhóm đối tượng năng động và dễ thích nghi, chiếm một tỷ trọng lớn trong cơ cấu kinh tế (98%) và đóng góp một phần lớn cho GDP (gần một nửa) và ngân sách Nhà nước (41%). Tuy nhiên doanh nghiệp nhỏ và vừa với trình độ công nghệ, năng lực tài chính, quản trị nhiều hạn chế nên lại là đối tượng dễ bị các tác động tiêu cực từ việc tự do hoá thương mại, tỷ lệ doanh nghiệp thua lỗ, phá sản là rất cao (từ 25% năm 2010, 66% năm 2015)". Nhằm mục đích hỗ trợ

doanh nghiệp nhỏ và vừa nâng cao năng lực cạnh tranh, Luật hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đã được thông qua vào ngày 12/06/2017, phát sinh hiệu lực từ ngày 01/01/2018. Trong đó, các doanh nghiệp nhỏ và vừa được cấp bảo lãnh tín dụng tại Quỹ bảo lãnh tín dụng doanh nghiệp nhỏ và vừa.

### **2.2.2. Trình tự, thủ tục điều tra chống trợ cấp**

Bước 1. Tiếp nhận và thụ lý Hồ sơ.

Bước 2. Thẩm định Hồ sơ.

Bước 3. Tổ chức tham vấn.

Bước 4. Quyết định điều tra vụ việc chống trợ cấp.

Bước 5. Thông báo quyết định điều tra vụ việc chống trợ cấp.

Bước 6. Kết luận sơ bộ.

Bước 7. Quyết định áp thuế chống trợ cấp tạm thời.

Bước 8. Áp dụng biện pháp cam kết.

Bước 9. Kết luận cuối cùng.

Bước 10. Quyết định của Hội đồng xử lý vụ việc chống trợ cấp.

Bước 11. Khiếu nại quyết định áp dụng thuế chống trợ cấp.

### **2.2.3. Đánh giá sự tương thích của pháp luật Việt Nam với quy định của WTO về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế**

Về trợ cấp hộp đỏ, chủ yếu là chính sách hỗ trợ tín dụng, miễn giảm thuế, miễn giảm các khoản thu về đất đai kèm theo điều kiện về khối lượng xuất khẩu hoặc tỷ lệ nội địa hoá là thuộc loại trợ cấp hộp đỏ. Tuy nhiên, những văn bản này cũng như các hình thức trợ cấp hộp đỏ đã hết hiệu lực trước ngày Việt Nam gia nhập WTO.

Với trợ cấp hộp vàng, qua rà soát thì chủ yếu là các chính sách tín dụng và miễn giảm thuế, tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, chi xúc tiến thương mại đối với một số ngành nghề trọng điểm như: sản xuất ô tô, khai thác thủy sản, cơ khí, đóng tàu, mía đường... và hỗ trợ đầu tư tại các vùng thuộc các Danh mục khuyến khích đầu tư như Khu Công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế cao.

Với trợ cấp hộp xanh, qua rà soát có 36 văn bản chứa đựng 41 nội dung trợ cấp thuộc loại trợ cấp được phép áp dụng. Mặc dù theo quy định của WTO thì điều khoản về trợ cấp được phép đã không còn hiệu lực thi hành nhưng do cơ chế làm việc của WTO là linh hoạt và theo thông lệ, nhiều nước hiện vẫn được duy trì hình thức trợ cấp này trên cơ sở kết quả đàm phán và căn cứ vào điều kiện phát triển kinh tế xã hội của nước đó. Khi duy trì các hình thức trợ cấp này, ngoài việc tiếp tục thực hiện các trợ cấp vì mục tiêu xã hội, xoá đói giảm nghèo... cần chú trọng trợ cấp cho các doanh nghiệp có hoạt động sản xuất kinh doanh gắn với phát triển khoa học công nghệ, bảo vệ môi trường.

## **2.3. Thực tiễn thực hiện pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế**

### **2.3.1. Thực tiễn thực hiện pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng tại WTO**

Do tác động tích cực của trợ cấp, tất cả các nước trên thế giới đều trợ cấp, song khác nhau về mức độ, phạm vi và trọng tâm của trợ cấp. Trong giai đoạn 1998-2002 tổng mức trợ cấp trung bình của các nước trên thế giới tương đương 1,2% GDP, chiếm 6,6% tổng chi ngân sách Nhà nước. Theo lĩnh vực nhận trợ cấp, trong số 81 thành viên thông báo cho WTO về tình hình trợ cấp có 62 thành viên trợ cấp cho ngành dịch vụ; 33 thành viên trợ cấp cho lĩnh vực ngân hàng, 25 thành viên trợ cấp cho ngành hàng hải; còn lại 23 thành viên trợ cấp cho lĩnh vực vận tải. Xét theo hình thức trợ cấp, phần lớn các thành viên trợ cấp thông qua ưu

đãi thuế, ưu đãi đầu vào sản xuất và rất nhiều thành viên trợ cấp cho lĩnh vực dịch vụ.

### **2.3.2. Thực tiễn thực hiện pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng tại Việt Nam**

*Thứ nhất*, về các khoản đóng góp tài chính có thể bị khiếu kiện, tất cả các chương trình mang lại lợi ích cho doanh nghiệp hưởng trợ cấp đều có thể bị khiếu kiện, bao gồm cả miễn thuế, giảm thuế, cung cấp dịch vụ với giá ưu đãi (như cung cấp nước sạch hay điện), cho vay ưu đãi, miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu dùng để sản xuất hàng xuất khẩu... Điều này sẽ có tác động nhất định đến việc xây dựng các quy định pháp luật liên quan đến các chương trình trợ cấp, đặc biệt đối với biện pháp giảm thuế mà nhiều quan điểm cho rằng sẽ không bị coi là trợ cấp. Các chương trình trợ cấp tương tự vẫn được áp dụng và duy trì trong pháp luật về trợ cấp của Việt Nam.

*Thứ hai*, về các chương trình trợ cấp mang tính đặc thù, có thể duy trì ở biên độ phù hợp để không bị áp dụng các biện pháp đối kháng. Theo quy định của Hiệp định SCM, hàng hoá có xuất xứ từ nước đang phát triển sẽ chỉ bị áp dụng các biện pháp đối kháng khi biên độ vượt quá 2% hoặc 3% tùy từng xuất xứ. Trong vụ kiện túi nhựa PE, DOC không trả lời vấn đề biên độ bán phá giá tối thiểu áp dụng với hàng hoá Việt Nam có là 2% hay 1%. Bởi kết quả điều tra biên độ trợ cấp đối với các doanh nghiệp xuất khẩu của Việt Nam cho thấy biên độ ở mức nhỏ hơn 1% và lớn hơn 2%, không thuộc đoạn giá trị từ 1%-2% nên không phản ánh rõ chúng ta bị áp dụng biên độ trợ cấp tối thiểu nào.

*Thứ ba*, về các văn bản pháp luật mà Việt Nam quan điểm không phải là văn bản tự thân như các Chính sách phát triển ngành, đều có thể trở thành đối tượng khiếu kiện. Trong vụ kiện nhựa PE, DOC đã bỏ qua các Chính sách phát triển ngành vì kết luận ngành sản xuất túi nhựa PE không nằm trong kế hoạch phát triển ngành nhựa mà không hoàn toàn vì dạng văn bản pháp luật này không phải là văn bản tự thân, không thể có giá trị thực tiễn nếu không có những văn bản cụ thể hướng dẫn thi hành như quan điểm của Việt Nam.

*Thứ tư*, về việc đánh trùng thuế chống bán phá giá và thuế chống trợ cấp là hoàn toàn có thể xảy ra đối với nền kinh tế phi thị trường khi có hàng hoá xuất khẩu sang Hoa Kỳ.

*Thứ năm*, miễn thuế nhập khẩu đối với nguyên liệu dùng để sản xuất hàng xuất khẩu có thể cấu thành trợ cấp xuất khẩu trừ khi Chính phủ Việt Nam xác định được nguyên liệu nào được tiêu thụ cho sản xuất hàng hoá xuất khẩu, bao gồm chiết khấu thông thường cho phế liệu. Hiện nay các biện pháp miễn thuế nhập khẩu dựa trên cơ sở sản xuất hàng xuất khẩu vẫn được áp dụng trong pháp luật về trợ cấp của Việt Nam, do đó việc xây dựng hệ thống phân định nguồn nguyên liệu dùng cho sản xuất xuất khẩu, bao gồm chiết khấu thông thường cho phế liệu là cần thiết để tránh cấu thành trợ cấp xuất khẩu.

### **2.4. Kinh nghiệm cho Việt Nam**

Dựa trên các quy định của WTO về trợ cấp cũng như thực tiễn pháp luật, tranh chấp về trợ cấp của các thành viên phát triển, có thể nhận ra những bài học

kinh nghiệm và định hướng trong việc xây dựng pháp luật về trợ cấp của Việt Nam. Cụ thể, trong tình hình hội nhập kinh tế quốc tế của một nước đang phát triển với nhiều ngành sản xuất non yếu, nhiều doanh nghiệp dễ tổn thương, pháp luật trợ cấp của Việt Nam cần chú trọng đến các kinh nghiệm từ các nước đang phát triển khác trong việc xây dựng pháp luật về trợ cấp: (1) Tuân thủ quy định về trợ cấp xuất khẩu và trợ cấp nội địa hoá; (2) Áp dụng và duy trì trợ cấp phù hợp; (3) Áp dụng các biện pháp đóng góp tài chính phù hợp; (4) Áp dụng trợ cấp có mục tiêu cho ngành công nghiệp ưu tiên, mũi nhọn; (5) Tuân thủ nguyên tắc minh bạch và (6) Xây dựng pháp luật về chống trợ cấp phù hợp và hiệu quả.

#### **2.4.1. Tuân thủ quy định về trợ cấp xuất khẩu và trợ cấp nội địa hoá**

Trợ cấp xuất khẩu và trợ cấp nội địa hoá là 02 trợ cấp bị cấm theo quy định của WTO.

*Thứ nhất*, xoá bỏ cả trợ cấp xuất khẩu trực tiếp và trợ cấp xuất khẩu gián tiếp. Hiện nay, đối với trợ cấp xuất khẩu cho hàng phi nông nghiệp và trợ cấp nội địa hoá, Việt Nam và các nước đang phát triển khác đều phải xoá bỏ theo cam kết.

*Thứ hai*, áp dụng cẩn trọng tín dụng xuất khẩu và bảo lãnh tín dụng xuất khẩu. Liên quan đến tín dụng xuất khẩu (bao gồm các khoản cho vay áp dụng với nhà xuất khẩu và nhà nhập khẩu nước ngoài), theo quy định của WTO một số biện pháp có thể cấu thành trợ cấp xuất khẩu.

*Thứ ba*, biện pháp hoàn, miễn hay giảm thuế hay các khoản thu dựa trên tiêu chí xuất khẩu cần được điều chỉnh phù hợp để tránh bị kiện chống trợ cấp.

*Thứ tư*, trong các trường hợp cần thiết có thể duy trì trợ cấp xuất khẩu hay trợ cấp nội địa hoá ở mức trợ cấp tối thiểu.

*Thứ năm*, áp dụng trợ cấp xuất khẩu nông nghiệp cho sản xuất trong nước phù hợp với Điều 9.4 – AOA và Tuyên bố Nairobi.

#### **2.4.2. Áp dụng và duy trì hỗ trợ trong nước cho nông nghiệp**

Với cam kết không áp dụng hay duy trì trợ cấp xuất khẩu trong lĩnh vực nông nghiệp, hỗ trợ của Chính phủ cần tập trung vào các biện pháp hỗ trợ trong nước, các biện pháp được cho là không gây tác động hoặc tác động không đáng kể tới thương mại quốc tế.

#### **2.4.3. Áp dụng các biện pháp đóng góp tài chính phù hợp**

Biện pháp đóng góp tài chính là biện pháp trực tiếp tạo ra lợi ích vật chất cho doanh nghiệp hưởng trợ cấp. Lựa chọn biện pháp hỗ trợ tài chính thiết thực hiệu quả, phù hợp với quy định của WTO là điều tiên quyết cho sự thành công của chính sách pháp luật trợ cấp của một thành viên bất kỳ.

*Thứ nhất*, áp dụng biện pháp “miễn, giảm thuế, giảm thu” trong pháp luật về trợ cấp để hỗ trợ doanh nghiệp trong nước.

*Thứ hai*, áp dụng hiệu quả các chương trình hỗ trợ tín dụng, bảo lãnh tín dụng trong chính sách pháp luật về trợ cấp để hỗ trợ cho doanh nghiệp trong nước.

*Thứ ba*, áp dụng các biện pháp ưu đãi tín dụng đầu tư, tiền thuê đất và các biện pháp tài chính khác để hỗ trợ cho các ngành công nghiệp lớn.

#### **2.4.4. Áp dụng trợ cấp có mục tiêu**



*Thứ nhất*, pháp luật về trợ cấp cần chú trọng đến các ngành công nghiệp ưu tiên, mũi nhọn.

*Thứ hai*, áp dụng và duy trì trợ cấp cho các đối tượng dễ bị tổn thương trước thương mại tự do.

*Thứ ba*, đảm bảo không duy trì trợ cấp lâu dài và đảm bảo tính “mục tiêu” trong các chương trình trợ cấp.

*Thứ tư*, pháp luật về trợ cấp cần đặt ra mục tiêu ngắn hạn và dài hạn cho ngành công nghiệp nhận trợ cấp.

#### **2.4.5. Đáp ứng nguyên tắc minh bạch**

Minh bạch chính sách pháp luật là một trong những yêu cầu tự thân của nhà nước pháp quyền, hướng tới mục tiêu dân chủ và công bằng xã hội. Song trong từng giai đoạn, yêu cầu về minh bạch chính sách pháp luật có thay đổi nhất định. Trong thương mại quốc tế hiện đại, với tư cách là thành viên WTO, minh bạch chính sách pháp luật trở thành nghĩa vụ pháp lý, yêu cầu minh bạch được quy định tại tất cả các Hiệp định đa phương của WTO.

#### **2.4.6. Xây dựng pháp luật chống trợ cấp hiệu quả**

Xây dựng pháp luật về trợ cấp phù hợp để hỗ trợ phát triển sản phẩm quốc gia, nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp trong nước. Song trên thực tế, quốc gia nào cũng áp dụng và duy trì các biện pháp trợ cấp để hỗ trợ doanh nghiệp ở nhiều mức độ khác nhau. Khiếu kiện theo cơ chế đa phương không phải là giải pháp hiệu quả nhất bởi sự hạn chế của đối tượng tham gia tranh chấp cũng như việc không đạt được sự bù đắp cho sản xuất trong nước khi phải chịu thiệt hại do hàng nhập khẩu có trợ cấp. Vì vậy, để xây dựng pháp luật về chống trợ cấp sẽ góp phần quan trọng trong mục tiêu hỗ trợ phát triển sản phẩm quốc gia và nâng cao năng lực cạnh tranh cho doanh nghiệp trong nước.

## **Tiểu kết Chương 2**

Xây dựng pháp luật về chống trợ cấp và các biện pháp đối kháng đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng hệ thống pháp luật về thương mại quốc tế của Việt Nam. Pháp luật về trợ cấp thể hiện rõ quan điểm của một nước về mức độ thực hiện tự do hoá thương mại. Với tư cách là thành viên WTO, tổ chức thương mại tự do, Việt Nam không thể áp dụng và duy trì các biện pháp trợ cấp một cách tự do. Trong khi đó, nhu cầu của doanh nghiệp trong nước trong việc nhận được hỗ trợ từ nhà nước là cấp thiết. Pháp luật quốc gia về trợ cấp, vì vậy cũng phải đạt được tính bảo vệ trong chừng mực nhất định.

Chương 2 Luận văn đã phân tích thực trạng pháp luật Việt Nam về trợ cấp và các biện pháp đối kháng, đánh giá thực trạng pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng để rút ra được những kết quả đạt được, bất cập, tồn tại và nguyên nhân trong quá trình thực hiện pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng. Từ đó, làm cơ sở để Chương 3 Luận văn đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng.

### Chương 3

## **ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VÀ NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VỀ TRỢ CẤP VÀ CÁC BIỆN PHÁP ĐỐI KHÁNG Ở VIỆT NAM**

### **3.1. Định hướng hoàn thiện pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế ở Việt Nam**

Hiện nay Việt Nam đang trong tiến trình đổi mới, phát triển kinh tế thị trường, mở cửa và hội nhập với khu vực và thế giới. Nền kinh tế thị trường khi vận hành phải tuân thủ những quy luật và nguyên tắc riêng có của nó, trong đó có tự do hoá thương mại. Tự do hoá đối với các dòng hàng hoá nhập khẩu vào trong nước là một tất yếu của nền kinh tế có độ mở lớn.

### **3.2. Giải pháp hoàn thiện pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế**

#### ***3.2.1. Hoàn thiện quy định cơ cấu tổ chức của cơ quan thực thi các biện pháp tự vệ thương mại trong thương mại quốc tế***

Ở Việt Nam, cơ quan quản lý nhà nước và tổ chức thực thi pháp luật đối với lĩnh vực chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ là Bộ Công Thương, trong đó Cục Phòng vệ thương mại là tổ chức trực thuộc, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực này. Cục Phòng vệ thương mại mới được thành lập trên cơ sở tách từ Cục Quản lý cạnh tranh, nên về số lượng các cán bộ thực thi còn thiếu khá nhiều, khó đáp ứng được yêu cầu công việc liên quan đến các vụ việc ngày càng tăng, nhất là trong công tác điều tra, nên trước hết cần phải tăng cường về số lượng đội ngũ cán bộ này. Vì vậy, cơ quan quản lý nhà nước cần có kế hoạch nhân sự để chuẩn bị thực hiện những nhiệm vụ ngày càng khó khăn, phức tạp liên quan đến điều tra, áp dụng các biện pháp tự vệ thương mại trong thời gian tới.

#### ***3.2.2. Hoàn thiện hệ thống pháp luật phụ trợ***

Thứ nhất, xây dựng và hoàn thiện hơn nữa hệ thống luật pháp về kinh tế-thương mại của Việt Nam theo định hướng xây dựng một nền kinh tế thị trường.

Thứ hai, xây dựng quy tắc xuất xứ hàng hóa một cách đầy đủ và toàn diện, trong đó đặc biệt là việc quản lý, xác minh, kiểm tra giấy chứng nhận xuất xứ đã được nước ngoài cấp. Điều này có ý nghĩa hết sức quan trọng để xác định đúng đối tượng chịu thuế chống trợ cấp.

Thứ ba, hoàn thiện hệ thống pháp luật về thuế: đối tượng được ưu đãi thuế, thuế suất ưu đãi, thời gian ưu đãi theo hướng dễ áp dụng, hợp lý, hiệu quả, ưu đãi những đối tượng một cách có trọng tâm, không dàn trải. Hoàn thiện pháp luật về hải quan: tăng cường vai trò của cơ quan hải quan trong việc chống trợ cấp: thu thuế, phối hợp, cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp, hiệp hội ngành hàng trong các cuộc điều tra chống trợ cấp.

Thứ tư, ban hành nghị định riêng về tổ chức và hoạt động của Hiệp hội ngành hàng (không xử lý chung với các loại hình hội, hiệp hội khác). Quy định nên có sự phân công trách nhiệm rõ ràng việc quản lý nhà nước các hiệp hội cho các Bộ,

ngành. Riêng Bộ Công thương quản lý về quyết định thành lập, điều lệ, xây dựng các quy định bổ sung, nêu rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các hiệp hội trong lĩnh vực xuất khẩu, theo dõi hoạt động.

### **3.2.3. Hoàn thiện pháp luật trực tiếp điều chỉnh chống trợ cấp**

*Thứ nhất, Việt Nam cần ban hành luật hoàn chỉnh về thuế chống trợ cấp.*

*Thứ hai, cần tiếp tục chi tiết hóa các quy định trong luật.*

*Thứ ba: Chính Phủ cần có chính sách tham vấn doanh nghiệp một cách hiệu quả khi xây dựng luật và ký kết các cam kết quốc tế.*

## **3.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả thực hiện pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế**

### **3.3.1. Nâng cao năng lực bộ máy nhà nước**

Muốn áp dụng thuế chống trợ cấp hiệu quả, cần nâng cao năng lực bộ máy nhà nước, đặc biệt là bộ máy thực thi. Các cơ quan này gồm Cục quản lý cạnh tranh, Hội đồng xử lý vụ việc chống trợ cấp thuộc Bộ Công thương, Cơ quan hải quan, các cơ quan phối hợp như Bộ giao thông vận tải, Tổng cục thống kê, các cơ quan nắm các thông tin về phát triển ngành, về số liệu xuất nhập khẩu... Trong trường hợp có tranh chấp từ việc áp dụng thuế chống trợ cấp thì cần có sự phối hợp chặt chẽ với các bộ phận phụ trách quan hệ thương mại song phương hoặc với tổ chức, diễn đàn tranh chấp đó được đưa ra.

### **3.3.2. Xây dựng cơ chế phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan quản lý nhà nước, Hiệp hội ngành hàng và các doanh nghiệp**

Cần có những cơ chế để hỗ trợ thông tin từ phía Nhà nước đối với những nhóm thông tin mà doanh nghiệp không thể tự tập hợp hay thống kê được. Đây là sự hỗ trợ và cũng đồng thời là trách nhiệm của các cơ quan Nhà nước liên quan để thực thi những văn bản pháp luật liên quan.

### **3.3.3. Thiết lập hệ thống thông tin, kiến thức về trợ cấp, thông tin thị trường và pháp luật của nước nhập khẩu**

Theo số liệu điều tra mới đây đối với các doanh nghiệp nhỏ và vừa, 66% không hiểu hoặc hiểu biết rất ít các điều khoản cam kết WTO của Việt Nam, khoảng 50% không hề biết tới những cam kết liên quan đến ngành nghề mình đang sản xuất kinh doanh, khoảng 81% không nắm rõ các vấn đề Chính phủ tiếp tục đàm phán trong khuôn khổ WTO). Hệ quả là doanh nghiệp, Hiệp hội hết sức bị động trong đàm phán quốc tế liên quan đến quyền lợi ngành hàng của mình.[6]

### **Tiểu kết Chương 3**

Như vậy, dù các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng đang cố gắng xoá bỏ trợ cấp để gây tác động cắt giảm trợ cấp đến các nước phát triển, song vẫn không thể phủ nhận là các ngành sản xuất trong nước vẫn cần đến trợ cấp của Nhà nước. Xây dựng và hoàn thiện chính sách pháp luật về trợ cấp đảm bảo việc tuân thủ các cam kết quốc tế của Việt Nam nhưng vẫn bảo vệ và hỗ trợ doanh nghiệp trong nước là vô cùng quan trọng.

Dựa trên các quy định của WTO cũng như thực tiễn về trợ cấp tại các nước thành viên đang phát triển, chương 3 luận văn đề xuất hướng đến việc xây dựng và hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của pháp luật về trợ cấp của Việt Nam trong xu hướng tự do hoá thương mại. Trong đó khẳng định nguyên tắc xuyên suốt trong việc xây dựng các chương trình trợ cấp trong nước: trợ cấp chỉ nên áp dụng trong thời gian ngắn cho nhóm ngành sản xuất được xác định là các ngành kinh tế ưu tiên, mũi nhọn nhằm hướng đến mục tiêu nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế, tạo động lực lan toả cho sự phát triển của các ngành khác, thúc đẩy kinh tế phát triển hoặc áp dụng cho các đối tượng đặc biệt, dễ bị tổn thương nhằm hướng đến mục tiêu đảm bảo lợi ích xã hội.

## KẾT LUẬN

Từ góc độ pháp luật quốc tế, với tư cách là biện pháp bảo hộ mậu dịch, WTO cũng như nhiều Hiệp định thương mại tự do khác đều không ủng hộ việc áp dụng trợ cấp. Từ góc độ lợi ích xã hội, trợ cấp suy cho cùng vẫn là một biện pháp có tác động suy giảm ngân sách nhà nước và từ đó cũng làm suy giảm những phúc lợi xã hội khác. Vì vậy, việc sử dụng biện pháp trợ cấp trong Chính sách thương mại quốc tế đòi hỏi phải phù hợp các quy định về trợ cấp của WTO và phải mang lại những lợi ích khác để bù đắp cho việc suy giảm ngân sách. Xây dựng pháp luật về trợ cấp của nước đang phát triển nói chung, Việt Nam nói riêng phải xác định nguyên tắc xuyên suốt: “Trợ cấp cần được áp dụng có mục tiêu trong một khoảng thời gian ngắn và chỉ hướng đến các đối tượng quan trọng, cần được trợ cấp”.

Xây dựng và hoàn thiện pháp luật về trợ cấp của Việt Nam phù hợp với các quy định về trợ cấp của WTO và đạt được mục đích bảo vệ lợi ích quốc gia cần chú trọng tới việc nghiên cứu các quy định của WTO cũng như kinh nghiệm của nhiều nước đang phát triển khác. Việt Nam tham gia Hiệp định SCM là đúng đắn và cần thiết để sớm có một nền kinh tế phát triển khỏe mạnh. Tuy nhiên để khai thác tối đa những lợi ích và khắc phục những trở ngại mà Hiệp định SCM đã đem lại cần phải thực hiện một số biện pháp trước mắt và lâu dài. Tuân thủ thực hiện các Hiệp định thương mại đa phương, trong đó có Hiệp định SCM. Đồng thời chủ động và tích cực đàm phán và ký kết Hiệp định thương mại song phương.

Luận văn “Pháp luật về trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế” đã đi sâu phân tích khái niệm, đặc điểm pháp lý của trợ cấp, biện pháp đối kháng, phân loại, tác động của trợ cấp và các biện pháp đối kháng trong thương mại quốc tế. Từ cơ sở nghiên cứu về mặt lý luận chính là tiền đề để luận văn tìm hiểu thực trạng pháp luật WTO quy định và điều chỉnh về vấn đề này như thế nào có phù hợp hay không phù hợp với thực tế cũng như là thông lệ quốc tế hay không và từ đó làm căn cứ để đưa ra các giải pháp cho việc hoàn thiện pháp luật về bảo đảm đầu tư.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Aegis Europe, “10 Commitments China made when it joined the WTO and has not respected”, <http://static1.squarespace.com/static/5537b2fbc4b0e49a1e30c01c/t/568f7bc51c1210296715af19/1452243910341/The+10+WTO+Committments+of+China.pdf>; <http://www.aegiseurope.eu/publications/?rq=China%2C%20WTO%20commitments>, truy cập ngày 10/12/2021;
2. <http://agims.wto.org>; <http://acdb.wto.org/tabs.aspx>;
3. “Brief note: Agriculture Issues”, [https://www.wto.org/english/thewto\\_e/minist\\_e/mc10\\_e/briefing\\_notes\\_e/brief\\_agriculture\\_e.htm#exportcompetition](https://www.wto.org/english/thewto_e/minist_e/mc10_e/briefing_notes_e/brief_agriculture_e.htm#exportcompetition) truy cập ngày 30/11/2021;
4. “China's Pure Exporter Subsidies”, CEP Discussion Paper No. 1182, <http://cep.lse.ac.uk/pubs/download/dp1182.pdf>, truy cập ngày 10/11/2021;
5. “China Revises 2004 auto policy”, <http://www.cecc.gov/publications/commission-analysis/china-revises-2004-auto-policy>, truy cập ngày 30/12/2021;
6. China's Steel Industry Development Policy, [https://www.steelbb.com/files/PDFDownloads/Chinese\\_steel\\_policy.pdf](https://www.steelbb.com/files/PDFDownloads/Chinese_steel_policy.pdf), truy cập ngày 10/12/2021;
7. <http://data.worldbank.org/country/vietnam>
8. Export Subsidies, <https://stats.oecd.org/glossary/detail.asp?ID=915>, truy cập ngày 10/11/2021;
9. Laws and Regulations under which enforcement and Compliance operates, <https://enforcement.trade.gov/regs/index.html>, truy cập ngày 30/9/2021
10. <https://chongbanphagia.vn/thuc-thi-cac-fta-doanh-nghiep-khong-the-chu-quan-truoc-cac-quy-dinh-ve-phong-ve-thuong-mai-n21597.html>, truy cập ngày 7/10/2021.
11. <https://www.moit.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/tac-%C4%91ong-tich-cuc-cua-bien-phap-phong-ve-thuong-mai-thao-go-kho-khan-va-bao-ve-san-xuat-trong-nuoc-19342-22.html>, truy cập ngày 12/5/2021.
12. <https://chongbanphagia.vn/tong-hop-cac-vu-phong-ve-thuong-mai-lien-quan-toi-viet-nam-trong-6-thang-dau-nam-2020-n21265.html>, truy cập ngày 5/8/2021.
13. <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/16052-phong-ve-thuong-mai-va-su-tho-o-cua-doanh-nghiep-viet>, cập nhật ngày 3/9/2021.
14. <https://chongbanphagia.vn/tong-hop-cac-vu-phong-ve-thuong-mai-lien-quan-toi-viet-nam-trong-6-thang-dau-nam-2020-n21265.html>, truy cập ngày 5/8/2021.
15. <http://www.trav.gov.vn/default.aspx?page=news&do=detail&id=998a81ad-47e2-4683-9452-239bd5349a59>.
16. Tổng hợp diễn tiến các vụ điều tra áp dụng biện pháp phòng vệ thương mại (chống bán phá giá, chống trợ cấp và tự vệ) liên quan tới hàng hóa

xuất, nhập khẩu Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2020. Nguồn: <https://chongbanphagia.vn/Modules/News/Uploaded/39/20200805134927047tonghoppvtm.pdf>.

17. Lạc Phong (2020), Ngành thép liên tục bị điều tra kiện phòng vệ thương mại, <https://www.sggp.org.vn/nganh-thep-lien-tuc-bi-dieu-tra-kiem-phong-ve-thuong-mai-683931.html>, truy cập ngày 8/9/2021.

18. Lạc Phong (2020), Ngành thép liên tục bị điều tra kiện phòng vệ thương mại, <https://www.sggp.org.vn/nganh-thep-lien-tuc-bi-dieu-tra-kiem-phong-ve-thuong-mai-683931.html>, truy cập ngày 8/9/2021.

19. Văn Gia (2020), Ngành gỗ đổi mới mặt với các vụ kiện phòng vệ thương mại, <http://baodongnai.com.vn/kinhte/202009/nganh-go-doi-mat-voi-cac-vu-kiem-phong-ve-thuong-mai-3021114/>, truy cập ngày 9/9/2021.

20. Thanh Dương (2020), Áp thuế chống bán phá giá sản phẩm plastic nhập khẩu, <http://tapchitaichinh.vn/tai-chinh-phap-luat/ap-thue-chong-ban-pha-gia-san-pham-plastic-nhap-khau-325832.html>, truy cập ngày 23/9/2021.

21. [https://www.moit.gov.vn/CmsView-EcoIT-portlet/html/print\\_cms.jsp?articleId=19342](https://www.moit.gov.vn/CmsView-EcoIT-portlet/html/print_cms.jsp?articleId=19342), truy cập ngày 12/9/2021

22. Sáng 15/11/2020, Bộ trưởng Kinh tế của 15 quốc gia đã ký kết Hiệp định Đối tác toàn diện khu vực (RCEP) từ các đầu cầu truyền hình trực tuyến; <http://baochinhphu.vn/Kinh-te/Hiep-dinh-Doi-tac-toan-dien-khu-vuc-chinh-thuc-duoc-ky-ket/414159.vgp>.

23. <https://chongbanphagia.vn/thuc-thi-cac-fta-doanh-nghiep-khong-the-chu-quan-truoc-cac-quy-dinh-ve-phong-ve-thuong-mai-n21597.html>, truy cập ngày 7/10/2021.